

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 302 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng
huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 tầm nhìn 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

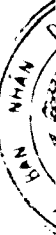
Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2012 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Thừa Thiên Huế (theo định hướng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương);

Căn cứ Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành Quy định về phân công, phân cấp và ủy quyền công tác quy hoạch xây dựng - kiến trúc công trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 301 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 tầm nhìn 2050;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 87/TTr-SXD và ngày 11 tháng 01 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 tầm nhìn 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Du lịch, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Quảng Điền và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, QHXT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Ngọc Thọ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 tầm nhìn 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 302 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 tầm nhìn 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số: 301 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2021.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Quảng Điền, đảm bảo theo đúng đồ án đã được phê duyệt.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của tỉnh, của huyện Quảng Điền quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn các khu vực trong huyện.

Điều 2. Nguyên tắc lập Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch:

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Điền được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 tầm nhìn 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số: 301/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2021 và tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN 2050.

Điều 3. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới

a) Phạm vi vùng quản lý: toàn bộ địa giới hành chính của huyện Quảng Điền; Diện tích tự nhiên: 16.304,5 ha (163,045km²).

b) Ranh giới: Gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Quảng Điền, với 11 đơn vị hành chính trực thuộc (thị trấn Sịa và các xã: Quảng An, Quảng Thành, Quảng Phước, Quảng Thọ, Quảng Vinh, Quảng Thái, Quảng Lợi, Quảng Ngạn, Quảng Công, Quảng Phú) có vị trí cụ thể:

- Phía Đông và Nam giáp thị xã Hương Trà;
- Phía Tây và Tây - Bắc giáp huyện Phong Điền;
- Phía Bắc và Đông - Bắc giáp biển Đông.

2. Quy mô dân số

a) Dân số hiện trạng: 80.350 người;

b) Đến năm 2030: Tổng dân số là 102.000 người. Trong đó: dân số nông thôn là 72.000 người, chiếm 70,6%; dân số thành thị là 30.000 người, Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 30%.

c) Đến năm 2050: Tổng dân số là 130.000 người. Trong đó: dân số nông thôn là 75.000 người, chiếm 57,7%; dân số thành thị là 55.000 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 45%.

3. Quy mô đất đai:

a) Đến năm 2030: Đất đô thị khoảng 2.940 ha (bao gồm: TT Sịa, đô thị Thanh Hà). Đất dân dụng đô thị khoảng 270 ha, chỉ tiêu khoảng 90 m²/người. Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn khoảng 490 ha, chỉ tiêu 68m²/người.

b) Đến năm 2050: Đất đô thị khoảng 3.746 ha bao gồm: Đô thị Sịa (mở rộng), Thanh Hà, Phú Thuận (xã Quảng Phú). Đất dân dụng đô thị khoảng 495 ha, chỉ tiêu khoảng 90 m²/người. Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn khoảng 562ha, chỉ tiêu 75m²/người.

Điều 4. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

1. Quy định đối với vùng, không gian phát triển nông – lâm nghiệp – thủy sản

a) Vùng, không gian phát triển nông nghiệp trên địa bàn huyện gồm:

- Vùng trồng lúa: Duy trì diện tích trồng lúa khoảng 8.000 ha, diện tích lúa chất lượng cao 2.500 ha (30%), liên kết với các doanh nghiệp sản xuất theo chuỗi giá trị 1.200 - 1.500 ha;

- Vùng trồng hoa màu: Vành đai rau sạch, an toàn thực phẩm tập trung ở Quảng Thành, Quảng Thọ, thị trấn Sịa, Quảng Lợi và Quảng Vinh theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt, ứng dụng công nghệ cao. Chuyển đổi các khu vực đất trồng màu kém hiệu quả sang cây ăn quả tại Quảng Vinh, Quảng Phú, Quảng An. Tiếp tục duy trì, phát triển diện tích hoa, cây cảnh tại các vùng hiện có. Chuyển đổi một số vùng đất màu kém hiệu quả để trồng các loại cây dược liệu. Phát triển kinh tế vườn phù hợp với định hướng Huyện nông nghiệp sinh thái

gắn với xây dựng vườn mẫu, khu dân cư kiểu mẫu với mô hình nông-thị.

- Vùng chăn nuôi: Vùng chăn nuôi hữu cơ có liên kết theo chuỗi giá trị tập trung tại Vùng trang trại, gia trại trồng trọt công nghệ cao thuộc 3 xã Quảng Vinh, Quảng Lợi, Quảng Thái; Khu giết mổ gia súc, gia cầm tập ung quy mô lớn đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thú y tại xã Quảng Công, Quảng Thái, Quảng Thành, thị trấn Sịa.

- Trang trại: Vùng trang trại, gia trại trồng trọt công nghệ cao thuộc 3 xã Quảng Vinh, Quảng Lợi, Quảng Thái.

- Thủy sản: Chuyển một số diện tích ruộng trũng, nhiễm mặn, sản xuất lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản, hoặc trồng sen kết hợp nuôi cá: Quảng Lợi, Quảng Công, Quảng Ngạn, Quảng Phước, Quảng An. Vùng nuôi thủy sản tập trung: Quảng Ngạn, Quảng Công, Quảng An, Quảng Thành, Quảng Lợi, Quảng Phước, thị trấn Sịa. Phát triển các cơ sở hậu cần nghề cá: 05 khu neo đậu tàu thuyền và dịch vụ hậu cần tại Vĩnh Tu, Cồn Gai, Ngư Mỹ Thạnh, Cồn Tộc, Mai Dương; 02 khu đóng tàu nhỏ tại Mai Dương, Thanh Hà; các cơ sở chế biến thủy sản (tại các xã, thị trấn Sịa, Quảng Phước, Quảng Lợi, Quảng Công, Quảng Ngạn, Quảng Thái, Quảng An).

+ Vùng lâm nghiệp: Xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ ven biển, hệ sinh thái rừng ngập mặn tạo vành đai rừng phòng hộ chắn sóng, chắn gió, chống sạt lở, bảo vệ các công trình ven phá, giảm nhẹ thiên tai do thiên nhiên gây ra.

Định hướng phát triển hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn trên cơ sở quy hoạch xây dựng nông thôn; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; Phát triển vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản có quy mô lớn và công nghệ hiện đại, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

2. Quy định đối với vùng, không gian phát triển công nghiệp

a) Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

- Định hướng vùng, không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện phù hợp với Đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Phát triển công nghiệp bền vững theo hướng phát triển kinh tế xanh dựa trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý, nguồn nguyên liệu tại chỗ, nguồn nhân lực chất lượng cao và liên kết các địa phương.

- Điều chỉnh bổ sung quy hoạch khu công nghiệp Quảng Vinh theo hướng hình thành các khu công nghiệp-nông nghiệp, khu công nghiệp-thủy sản, khu công nghiệp chuyên đề phù hợp với thực tế, phát huy được lợi thế của địa phương và tiếp cận nguồn vốn đầu tư.

- Cụm công nghiệp tập trung tại xã Quảng Lợi (38,5ha), Quảng Thái (70ha). Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, ít gây ô nhiễm, thân thiện môi trường.

b) Làng nghề, làng nghề truyền thống: Duy trì phát triển và đầu tư mở rộng các nghề và làng nghề truyền thống theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp hóa, thân thiện môi trường, bền vững với loại hình tổ chức sản xuất, liên doanh liên kết.

3. Quy định đối với vùng, không gian phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch:

a) Thương mại:

- Định hướng vùng và không gian phát triển thương mại dịch vụ phù hợp với Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tại khu vực đô thị tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng dịch vụ tại các đô thị Sịa, Thanh Hà, Phú Thuận (sau năm 2030) gồm: Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, cơ sở dịch vụ về tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, dịch vụ hỗ trợ ngành tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ nông nghiệp và dịch vụ tiêu dùng

- Các khu vực nông thôn tại các điểm trung tâm tiểu vùng, điểm dân cư nông thôn đầu tư xây dựng hạ tầng dịch vụ: Hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, phát triển hệ thống cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh, các khu vực đầu mối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Xây dựng các trung tâm dịch vụ có quy mô lớn với các loại hình dịch vụ kho bãi (logistic) theo hướng đồng bộ, hiện đại tại khu vực đô thị cửa ngõ Thanh Hà, Phú Thuận. Hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ thương mại trên địa bàn huyện, phát triển chợ đầu mối, nâng cấp hệ thống các chợ trung tâm xã, phát triển các siêu thị, trung tâm thương mại tại các khu vực đô thị, thị trấn.

b) Du lịch:

- Định hướng vùng và không gian phát triển du lịch phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2030.

- Phát triển các khu vui chơi giải trí, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng ven biển và đầm phá tại thị trấn Sịa, Quảng Công, Quảng Ngạn kết nối với hạ tầng du lịch toàn tỉnh và khu vực.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kết nối đồng bộ, tiện ích công cộng, công trình phụ trợ tại các làng nghề truyền thống, các điểm di tích văn hóa lịch sử, điểm tham quan, trải nghiệm cộng đồng, văn hóa làng quê gắn với sản xuất nông nghiệp theo hướng văn minh, hiện đại, thân thiện môi trường.

c) Vận tải: Phát triển dịch vụ vận tải trên các lĩnh vực cả đường bộ, đường sông, đường đầm phá đảm bảo tiện lợi, thông suốt. Xây dựng các tuyến xe bus kết nối nhanh chóng, thuận lợi giữa đô thị Sịa với thành phố Huế và vùng phụ cận; Xây dựng các trạm trung chuyển, bãi xe các đô thị cửa ngõ Thanh Hà, Phú Thuận, Vĩnh Tu.

Điều 5. Quy định về quản lý đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

- Giai đoạn đến năm 2030: có 02 đô thị loại V (đô thị Sịa, đô thị Thanh Hà), trong đó, đô thị Sịa được đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hướng đến các tiêu chí của đô thị loại IV. Giai đoạn sau 2030, tầm nhìn đến năm 2050: có 01 đô thị đạt tiêu chí đô thị loại IV (đô thị Sịa), và 02 đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V (Thanh Hà, Phú Thuận).

- Xây dựng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại điểm trung tâm tiểu vùng Vĩnh Tu (Vĩnh Tu, Tân Mỹ, Đông Hải) hướng đến các tiêu chí đô thị loại V.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng ở trung tâm các xã theo các tiêu chí đô thị, tiến tới hình thành 10 điểm trung tâm tiểu vùng theo hướng đô thị, phân bố rộng khắp trên tuyến vành đai phát triển và các tuyến hướng tâm với trung tâm huyện (đô thị Sịa).

a) Đô thị Sịa:

- Phát triển các ngành du lịch, dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp có tính đặc trưng vùng miền. Kết hợp du lịch đầm phá, lễ hội, làng nghề truyền thống với các dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, điều dưỡng. Hạn chế phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm, hạn chế ô nhiễm khí thải, tiếng ồn, không khí, môi trường nước, bảo đảm môi trường trong sạch, hấp dẫn phù hợp cho du lịch, dịch vụ.

- Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội với các tiêu chí của đô thị loại IV, quản lý chặt chẽ các quỹ đất hiện có và dự trữ phát triển, đặc biệt là khu vực ven phá và khu trung tâm dịch vụ (An Gia).

b) Đô thị Thanh Hà:

- Kết hợp du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm vùng đầm phá Tam Giang thông qua tuyến sông Kim Đồi, sông Bò, du lịch cộng đồng và bảo tàng đồng quê với lợi thế tại các điểm sinh thái lân cận trên cơ sở đa dạng loại hình dịch vụ, phương thức di chuyển.

- Hạn chế phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm, hạn chế ô nhiễm khí thải, tiếng ồn, không khí, môi trường nước, trong sạch, hấp dẫn phù hợp cho nghỉ dưỡng. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội với các tiêu chí của đô thị loại IV, quản lý chặt chẽ các quỹ đất hiện có và dự trữ phát triển, đặc biệt là khu vực sông Bò, Kim Đồi.

c) Đô thị Phú Thuận:

- Phát triển các ngành du lịch, dịch vụ, vận tải, kho bãi theo hướng chuyên nghiệp. Là khu vực đầu mối quan trọng của huyện trong việc kết nối phát triển với vùng phụ cận. Hạn chế phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm, hạn chế ô nhiễm khí thải, tiếng ồn, không khí, môi trường nước, trong sạch, hấp dẫn phù hợp cho các dịch vụ phát triển.

- Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội với các tiêu chí của đô thị loại V, quản lý chặt chẽ các quỹ đất hiện có và dự trữ phát triển, đặc biệt là khu vực sông Bồ. Xây dựng, nâng cấp tuyến giao thông ven sông Bồ tạo sự liên kết và khai thác các giá trị không gian cảnh quan ven sông.

d) Điểm trung tâm tiểu vùng ven biển Vĩnh Tu:

- Phát triển các ngành dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng biển, đầm phá, khu vui chơi giải trí chất lượng cao ven đầm phá. Hạn chế phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm, hạn chế ô nhiễm khí thải, tiếng ồn, không khí, môi trường nước, trong sạch, hấp dẫn phù hợp cho các dịch vụ du lịch phát triển.

- Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xã hội với các tiêu chí của đô thị loại V, quản lý chặt chẽ các quỹ đất hiện có và dự trữ phát triển, đặc biệt là khu vực bờ biển, đầm phá. Xây dựng, nâng cấp tuyến giao thông phòng hộ ven Biển tạo sự liên kết và đảm bảo an ninh quốc phòng.

đ) Các trung tâm tiểu vùng: Xây dựng các điểm dân cư nông thôn phát triển theo hình thái đô thị, đảm bảo dân cư phát triển tập trung, tránh dàn trải, ảnh hưởng đến việc xây dựng các vùng sản xuất tập trung.

2. Quy định về quản lý các xã nông thôn:

Quy hoạch và định hướng phát triển các ngành TTCN, làng nghề theo hướng bền vững, đảm bảo vệ sinh môi trường. Tạo không gian sản xuất tiểu thủ công nghiệp gắn với không gian nông thôn truyền thống. Tạo ra các sản phẩm xuất khẩu có giá trị cao gắn với các sản phẩm truyền thống của địa phương. Phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, Bảo tàng Đồng quê, nghiên cứu gắn với sản xuất nông nghiệp và bảo tồn hệ sinh thái. Hệ thống các điểm dân cư nông thôn, bao gồm các điểm cho phát triển dân cư mới đảm bảo theo quy hoạch xây dựng nông thôn.

Điều 6. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng:

1. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

a) Quy định đối với mạng lưới công trình giáo dục và đào tạo

- Xây dựng mạng lưới công trình giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với xu thế nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển ngành giáo dục.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung quỹ đất phục vụ bán trú, nhu cầu thể dục thể thao, các điểm trường mầm non, trường tiểu học. Nâng cao chất lượng, điều kiện cơ sở vật chất tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông đáp ứng đầy đủ nhu cầu dạy và học.

- Xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng xã, thị trấn hoạt động đạt hiệu quả có cơ sở vật chất riêng; Xây dựng trung tâm hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật chuyên sâu,...

b) Quy định đối với mạng lưới công trình y tế, bảo vệ sức khỏe:

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng mở rộng bệnh viện huyện (giai đoạn 2) đạt 25 giường bệnh/10.000 dân.

- Nâng cấp hệ thống y tế cấp huyện, cấp xã, thị trấn trở thành các điểm y tế có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế.

c) Quy định đối với mạng lưới Văn hóa - thể thao:

- Xây dựng nâng cấp trung tâm thể dục thể thao huyện, xây dựng mới các trung tâm thể thao đa năng tại thị trấn Sịa, Thanh Hà, Phú Thuận, Vĩnh Tu.

- Nâng cấp hệ thống các nhà văn hóa xã, xây dựng các cụm rạp chiếu phim; khu vui chơi giải trí, các trung tâm phát triển năng khiếu cho thanh thiếu nhi.

d) Quy định đối với hệ thống nhà ở đô thị và nông thôn

- Phát triển hệ thống nhà ở đô thị, nông thôn đồng bộ, phù hợp với xu hướng mới; phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và định hướng phát triển nhà ở trong những năm tiếp theo.

- Tại khu vực công nghiệp: Phát triển hệ thống nhà ở xã hội, nhà cho công nhân lao động gắn với quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo mô hình (công nghiệp – dịch vụ - đô thị).

2. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng:

a) Quy định quản lý đối với công trình giao thông

- Phát triển mạng lưới giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Ưu tiên xây dựng các tuyến đường phát triển trọng tâm trong thời kỳ đầu của quy hoạch nhằm định hình cấu trúc giao thông của huyện như trục Bắc-Nam, Đông-Tây, vành đai phát triển; Xây dựng tuyến vành đai trên cơ sở mở rộng một số đoạn hiện có và quy hoạch mới.

- Đường trục xã, thôn xóm: Quy hoạch nâng cấp, mở rộng hệ thống đường xã, thôn xóm hướng đến mục tiêu phát triển mô hình nông thị, đảm bảo tối thiểu đạt đường cấp A, B tối thiểu 6m,

- Cầu đường bộ: Đầu tư xây dựng cầu Vĩnh Tu theo Quy hoạch giao thông tỉnh đã được phê duyệt. Xây dựng, kiên cố các cầu qua sông địa phương theo cấp tải trọng HL93 trên các tuyến đường tỉnh, đường vành đai và các tuyến đường trục quan trọng có quy mô từ cấp IV trở lên và phù hợp với quy hoạch của tuyến đường, cầu trên các tuyến đường giao thông nông thôn xây dựng theo quy mô tải trọng thiết kế 0,5-0,65 HL93.

- Xây dựng nâng cấp bến thuyền Vĩnh Tu giai đoạn 2020-2025, đáp ứng

được các loại phà vỏ thép, nâng cao an toàn trong vận chuyển trên phá.

- Xây dựng, nâng cấp bến xe huyện. Xây dựng mới tạm trung chuyển, dừng đỗ xe tại Phú Thuận, Thanh Hà, Vĩnh Tu, Tân Xuân Lai. Đối với mỗi thị trấn quy hoạch 01 bãi đỗ xe tĩnh (diện tích > 2.000m²). Xây dựng điểm đón trả khách tuyến cố định đường bộ trên địa bàn huyện Quảng Điền đồng bộ với hệ thống hạ tầng giao thông vận tải, đảm bảo an toàn giao thông.

b) Quy định quản lý cao độ nền

- Khu vực tiếp giáp đầm phá, cao độ san nền không chế thấp nhất: 3,0m.

- Những khu vực quy hoạch đã được phê duyệt và các dự án đã được xây dựng, cao độ nền không thay đổi. Khu vực dân cư hiện trạng giải pháp san nền là bám sát địa hình hiện trạng, chỉ san lấp những khu trũng chưa xây dựng và một số vùng thấp trũng ngập úng nhưng phải đảm bảo hài hòa với địa hình hiện trạng.

- Khu vực dân cư nông thôn san nền chỉ san đắp nền cho phân đất xây dựng công trình (nhà ở, nhà và công trình công cộng, nhà sản xuất, đường giao thông). Phân đất còn lại được giữ nguyên địa hình tự nhiên.

c) Quy định đối với công trình thoát nước

- Hệ thống thoát nước: đến năm 2020, giai đoạn dài hạn đến năm 2030 sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng. Mạng lưới thoát nước mưa khu vực được vạch tuyến dựa trên nguyên tắc sao cho nước mưa thoát một cách nhanh nhất trên nguyên lý tự chảy.

- Khu vực đô thị: Sử dụng hệ thống cống đặt trên hè đường cách bó vỉa 1,5m. Đường kính hệ thống thoát nước D600-D2000. Tuyến đường có lòng đường $b \geq 15m$ đặt cống cả hai bên hè đường. Tuyến đường có lòng đường $b < 15m$ chỉ đặt cống một bên hè đường và đặt các cống D600 bằng đường, để đầu nổi hố ga thu nước ở hè đường bên kia dẫn nước vào hố ga trên tuyến cống chính.

- Khu vực nông thôn: Sử dụng rãnh khi bố trí hệ thống thoát nước hai bên đường.

- Giải pháp thoát lũ và chống ngập úng: Quy hoạch xây dựng một số hồ điều hòa, kênh đào, nạo vét mở rộng tăng cường dòng chảy các kênh mương hiện trạng. Có giải pháp kè bờ kênh chống sạt lở cản trở dòng chảy của các tuyến kênh. Trong quá trình xây dựng tuyệt đối không san lấp, thu hẹp cản trở dòng chảy của hệ thống thoát nước hiện trạng.

d) Quy định đối với công trình cấp nước

- Đến năm 2030: Sử dụng 1.000m³/ngđ từ nhà máy nước Quảng Ngạn (đã nâng công suất lên 1.000m³/ngđ), sử dụng 12.000m³/ngđ từ NMN Tứ Hạ (công suất 15.000m³/ngđ), còn lại lấy từ các NMN Quảng Tế 2 và NMN Vạn Niên (tổng công suất 202.500m³/ngđ).

- Đến năm 2050: Sử dụng 14.000m³/ngđ từ NMN Hương Vân (đã nâng

công suất lên 60.000m³/ngđ), còn lại lấy từ các NMN Quảng Tế 2 và NMN Vạn Niên (tổng công suất 322.500m³/ngđ).

- Xây dựng trạm trung chuyển, điều áp Sịa (6.000m³/ngđ). Mạng lưới đường ống đảm bảo cấp nước liên tục cho nhu cầu dùng nước; đường ống trục chính cấp 1, cấp 2 dùng mạch vòng, mạng lưới phân phối dùng mạch kết hợp.

đ) Quy định đối với công trình cấp điện

- Huyện Quảng Điền được cấp lưới điện 22kV từ trạm trung gian 35/22kV Sịa và một phần từ lộ 471, 472 - Trung gian Điền Hòa.

- Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối phải gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng và của từng địa phương trong vùng, đảm bảo chất lượng điện và độ tin cậy cung cấp điện ngày càng được nâng cao. Nâng cấp tuyến trung gian 35kv lên 110 kV và hoàn thiện lưới điện 22kv nhằm nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện, giảm thiểu tổn thất điện năng.

- Xây dựng và cải tạo lưới điện: lưới điện trung áp của Tỉnh sẽ được vận hành ở cấp điện áp 22 kV, điện áp 35 kV phục vụ đầu nối các nguồn điện trên địa bàn vào hệ thống.

- Chỉ đi cáp ngầm khu vực đô thị, đi nổi ở các khu nông thôn.

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp: sử dụng dây dẫn trên không hoặc cáp ngầm.

e) Quy định về công trình thông tin liên lạc

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ, phù hợp với quy hoạch phát triển viễn thông tỉnh, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch hạ tầng kỹ thuật của các ngành trên địa bàn huyện.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ứng dụng các công nghệ mới, đồng bộ, tiên tiến, hiện đại, bảo đảm mỹ quan đô thị và các tiêu chuẩn về an toàn chất lượng, tạo ra sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động chủ yếu theo hướng dùng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp. Ngầm hóa hệ thống mạng cáp viễn thông đảm bảo cảnh quan đô thị và khu du lịch.

- Hoàn thiện hệ thống điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng phục vụ góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, đảm bảo 100% vùng phủ sóng Internet không dây tại khu vực thị trấn và khu vực trung tâm xã.

- Xây dựng mạng lưới cột ăng ten có kích thước và quy mô nhỏ gọn, thân thiện môi trường, ngụy trang ẩn vào các công trình kiến trúc và cảnh quan xung quanh, đảm bảo mỹ quan đô thị. Thực hiện việc cải tạo các vị trí ăng ten công kênh sang loại không công kênh tại các khu vực yêu cầu mỹ quan.

f) Quy định về công trình thủy lợi

- Xây dựng, nâng cấp mạng lưới công trình thủy lợi đồng bộ, phù hợp quy

hoạch thủy lợi tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035; Phù hợp với định hướng Chiến lược phát triển thủy lợi của Tỉnh, Chiến lược về biến đổi khí hậu.

- Khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn nước, chủ động phòng chống giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Từng bước hoàn thiện hạ tầng hệ thống công trình thủy lợi; hiện đại hóa công tác quản lý, khai thác góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững; thực hiện nội dung về tái cơ cấu ngành thủy lợi; góp phần xây dựng nông thôn mới; bảo vệ môi trường, giảm thiểu các thiệt hại và ảnh hưởng tiêu cực do nước gây ra đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong tương lai.

g) Quy định về công trình thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

- Nước bẩn sinh hoạt cần phải được thu gom triệt để, không được tự xả ra sông, hồ trước khi xử lý. Cần đảm bảo chỉ tiêu cây xanh đô thị trong các khu dân cư. Thu gom triệt để chất thải rắn về khu tập trung xử lý.

- Xây dựng khu xử lý chất thải rắn tại xã Quảng Lợi, diện tích quy hoạch 5-7ha. Phần lớn rác thải đưa về khu xử lý tập trung Hương Bình theo Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn huyện được bố trí theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Hạn chế, cấm mai táng trên các khu nghĩa trang tự phát.

h) Quy định về công trình ngầm đô thị

- Tại vị trí giao nhau của các tuyến đường phải bố trí hộp tuyn kỹ thuật.

- Kích thước hộp kỹ thuật: đường chính hộp 2x2m, đường khu ở 1x1m.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông

a) Quy định quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: Tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị phải đảm bảo từ 16% đến 26%.

b) Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng hóa các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng thân thiện môi trường.

c) Đối với đường bộ: giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị

định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010.

d) Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD – Công trình giao thông.

đ) Đối với đường thủy: Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng quy định trong Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

a) Chất lượng nước sinh hoạt phải bảo đảm yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

b) Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-1:2016/BXD - Công trình cấp nước.

c) Quy định về vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: Phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m và đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo QCVN 01:2008.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

a) Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy kết hợp với bơm động lực cho khu vực trong đê. Trong các khu cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

b) Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực xây dựng mới. Những khu vực đã có hệ thống thoát nước chung, không có khả năng cải tạo thành thoát nước riêng sẽ xây dựng giếng tách, cống bao tại cuối các tuyến cống chính trước các miệng xả, đưa về trạm xử lý tập trung trước khi xả ra môi trường.

c) Đối với hệ thống thoát nước cải tạo tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có. Quản lý vị trí đầu nối của dự án vào tuyến cống chính của đô thị. Nếu tuyến cống chính chưa xây dựng thì đơn vị cấp phép cần chỉ ra vị trí xả hoặc đầu nối tạm thời và chủ dự án phải nộp đủ số tiền cho đơn vị quản lý thoát nước đô thị để khi có tuyến cống chính đơn vị này sẽ xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

d) Mở rộng phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước tiến tới đạt 100% đảm bảo thông thoáng các trục tiêu chính đi qua đô thị.

đ) Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng các cụm công trình đầu mối: Hồ điều hòa, trục kênh dẫn, cống qua đê, trạm bơm. Công suất các trạm bơm có thể

phù hợp với từng giai đoạn, song cần phải xây dựng trục kênh dẫn và hồ điều hòa theo quy hoạch vừa để giữ đất vừa để chứa nước.

e) Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về công trình thoát nước.

f) Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: Thực hiện theo Pháp lệnh về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật Đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

a) Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai, đặc biệt là quỹ đất xây dựng công trình điện; Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải được từng bước hạ ngầm.

b) Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và an toàn điện.

c) Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình cấp điện.

d) Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định của Bộ Công thương.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin:

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định về công trình viễn thông và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải:

a) Quản lý chất thải rắn: Tuân thủ các quy định về việc quản lý chất thải rắn và phế liệu.

b) Quy định về phạm vi bảo vệ; hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định về công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang:

a) Quản lý hệ thống nghĩa trang: Tuân thủ các quy định về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang;

b) Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về công trình nghĩa trang.

Điều 8. Quy định về bảo vệ môi trường

1. Quy định về bảo vệ môi trường: Tuân thủ các quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; các quy định về việc đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

3. Khu vực đô thị: Bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị, cải tạo cảnh quan khu vực ven sông, giảm nhẹ tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng

cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tái định cư, kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị và công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

4. Khu vực nông thôn: Hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do tái định cư, thay đổi sử dụng đất, tạo việc làm. Trong quá trình đề xuất các định hướng quy hoạch, đồ án đã thống nhất với các giải pháp bảo vệ môi trường nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bức xúc hiện nay bằng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, khu danh lam thắng cảnh: Bảo tồn hệ sinh thái đầm phá nước lợ; hạn chế xây dựng, phát triển các ngành lĩnh vực ảnh hưởng đến môi trường tại khu đầm phá Tam Giang – Cầu Hai. Đối với các sông trên địa bàn huyện được quản lý thực hiện theo quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Quy định về bảo tồn khu di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị trong vùng. Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị các khu di tích, văn hóa, lịch sử theo Luật Di sản Văn hoá và các quy định có liên quan về quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quản lý việc thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Quảng Điền phải thực hiện theo Quy định này. Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi nội dung Quy định này phải được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật và đồ án quy hoạch xây dựng vùng đã được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt đề tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị.



5. Các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp có trách nhiệm công khai, công bố, lưu giữ hồ sơ quy hoạch, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định.

Điều 11. Quy định này có hiệu lực và được thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng để có cơ sở tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 12. Quy định quản lý và đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 tầm nhìn 2050 được lưu giữ tại các nơi dưới đây và phổ biến để các cơ quan, tổ chức và nhân dân được biết, thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế.
3. Sở Kế hoạch và Đầu tư;
4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.
5. Sở Công Thương tỉnh Thừa Thiên Huế.
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thừa Thiên Huế.
7. Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thừa Thiên Huế.
8. UBND huyện Quảng Điền./.